TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 5/4/2019.
V/v Hôn nhân gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T.
2. Bà Đào Thị X.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng H - Thư ký Toà án nhân dân huyện HĐ- thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ- Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích D - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện HĐxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc "*hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995

HKTT: thôn CT, xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Cụm 7, thôn MG, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn CT, xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2012 tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không có nghề nghiệp gì, suốt ngày chơi bời qua đêm, sống không có trách nhiệm với vợ con. Khoảng 2 năm nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở TH, PT, Hà Nội sống. Từ đó đến nay,vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại Bản tự khai, Biên Bản lấy lời khai, quá trình tố tụng bị đơn là anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về thời gian kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị M đã về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2018 đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh không đồng ý, vì con còn nhỏ. Nếu chị M muốn ly hôn thì chờ các con lớn anh sẽ đồng ý ly hôn với chị M hoặc chị M muốn giải quyết ly hôn luôn, thì phải để anh nuôi hết 02 con chung thì anh sẽ đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/11/2012, hiện đang do anh T nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/12/2014, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/12/2014 và để anh T nuôi cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/11/2012. Anh T xin nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐphát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án: *Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.*

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/12/2014. Giao

anh Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/11/2012.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*, anh Nguyễn Hữu T có HKTT và hiện đang trú tại xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu T kết hôn ngày 25/12/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh T đều thừa nhận là cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không cùng chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*. Như vậy hiện tại chị M và anh T đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Cường được. Xét cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/12/2014 đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định cùng chị M. Cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/11/2012 đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định cùng anh T. Nên xét không cần thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn tâm lý không cần thiết cho các cháu. Do đó, cần tiếp tục giao các cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/12/2014 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/11/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 12/12/2014 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/11/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008715 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án huyện HĐ
- VKSND huyện HĐ;
- Phòng GĐKT- TAND TP Hà Nội
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thành Tr